

**HƯỚNG DẪN VỀ NGUỒN CHỊU THUỐC BẢO VỆ
THỰC VẬT CỦA CÁC CÂY TRỒNG Ở ĐÀI LOAN**

Wong, Sue-Sun



NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

WONG, SUE - SUN

HƯỚNG DẪN VỀ NGƯỠNG CHỊU THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT CỦA CÁC CÂY TRỒNG Ở ĐÀI LOAN

Biên dịch: GS. TS TRẦN VĂN LÀI
KS. LÊ THU HÀ
Hiệu đính: GS. TS LÊ LƯƠNG TẾ

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
Hà Nội - 2000

**Guide to Pesticides Tolerances on Crops
in Taiwan**

Wong, Sue-Sun

**Taiwan Agricultural Chemicals and Toxic Substances
Research Institute**

March 1997

LỜI GIỚI THIỆU

Rau quả và các loại thực phẩm chủ yếu là những cây trồng có giá trị dinh dưỡng cao. Khi một xã hội đang phát triển, mà trong đó chất lượng cuộc sống con người ngày càng được nâng cao, đòi hỏi không những cần phải cung cấp đủ số lượng mà còn phải ngày càng chú ý đến chất lượng sản phẩm. Một trong những chỉ tiêu để đánh giá chất lượng sản phẩm hàng hóa là sản phẩm sạch - một vấn đề mà hiện nay đang được nhiều nước trên thế giới quan tâm. Một sản phẩm sạch phải bảo đảm các tiêu chuẩn quốc tế ở mức dưới ngưỡng cho phép về lượng tồn dư thuốc BVTV, hàm lượng kim loại nặng, hàm lượng nitrat và không có vi sinh vật gây bệnh.

Giáo sư Trần Văn Lại - Viện trưởng Viện Nghiên cứu Rau quả đã tìm kiếm và dịch thuật ra tiếng Việt cuốn sách: "Hướng dẫn về ngưỡng chịu thuốc BVTV của các cây trồng ở Đài Loan" nhằm phục vụ cho ý đồ trên.

Cuốn sách này ra đời với mong muốn giúp người sản xuất và nghiên cứu khoa học nông nghiệp Việt Nam xác định được ngưỡng chịu thuốc BVTV của các loại cây trồng nói trên, từ đó sử dụng hóa chất với các sản phẩm nông nghiệp một cách hợp lý đảm bảo sản phẩm sạch, có chất lượng cao - đóng góp một phần nhỏ vào quá trình phát triển, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Trong quá trình biên dịch, chắc chắn sẽ không thể tránh khỏi những sai sót. Mong độc giả góp ý chân thành để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần tái bản sau và giúp ích cho bạn đọc được tốt hơn.

THỦ TRƯỞNG BỘ NN & PTNT

GS. Ngô Thế Dân

Mở đầu

Tài liệu này đưa ra ngưỡng chịu thuốc của các loại cây trồng ở Đài Loan. Nó bao gồm hầu hết các loại thuốc BVTV đã được đăng ký ở Đài Loan. Phần chính của tài liệu này nói về ngưỡng chịu từng loại thuốc trừ dịch hại của cây trồng. Mỗi bảng số liệu đều được sắp xếp theo những thông tin cơ bản của thuốc trừ dịch hại bao gồm tên thông dụng (Common name), tên hóa học (Chemical name) và công dụng chính (Main use). Mức độ có thể chấp nhận được về hấp thụ thuốc trừ sâu hàng ngày (ADI) và mức độ hấp thụ cho phép tối đa (MPI) mà được tính cho cơ thể có trọng lượng 60kg là những số liệu cơ bản để đánh giá sự an toàn⁽¹⁾. Ngưỡng chịu thuốc là phần rất quan trọng của các nhóm cây trồng để xác định việc sử dụng những loại thuốc BVTV đã đăng ký. Phụ lục bao gồm các loại thuốc không quy định ngưỡng chịu thuốc bởi vì đó là các thuốc sinh học hoặc là loại thuốc không sử dụng đối với những cây trồng ăn được. Các loại thuốc BVTV cấm sử dụng được liệt kê ra để thông báo về dư lượng thuốc không cần được xác định là quá ngưỡng cho phép. Các hàng hóa nông nghiệp được phân theo các nhóm trên cơ sở có dư lượng thuốc BVTV tương tự nhau.

(1) ADI: Lượng chất độc hấp thụ hàng ngày được chấp nhận không gây hại cho cơ thể người và MPI: lượng hấp thụ chất độc cho phép tối đa được tính bằng cách ADI nhân với trọng lượng con người 60 kg là những chỉ tiêu cơ bản để đánh giá độ an toàn.

Các bảng về tính chịu thuốc của lúa, cây trồng đất cao, nhóm cây rau, nhóm cây ăn quả, chè và mía được liệt kê để tiện việc kiểm tra số liệu.

Nếu có bất cứ góp ý nào cho tài liệu này xin vui lòng liên lạc với:

SUE-SUN WONG

Chuyên viên cao cấp - Trưởng phòng kiểm tra dư lượng thuốc.

Viện Nghiên cứu Chất độc và hóa chất nông nghiệp Đài Loan

11 Kung-Ming Rd. Wufeng, Taichung Hsien

Đài Loan

Tel: 886-4-3302101 ext. 401

Fax: 886-4-3324738

Email: sswong@hp847.tactri.gov.tw

NGƯỠNG CHỊU THUỐC CỦA CÂY ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI THUỐC

2,4 D

Tên thông dụng	: 2,4-D
Tên hóa học	: (2,4-dichlorophenoxy) acetic acid (IUPAC)
Công dụng chính	: Thuốc trừ cỏ
ADI	: 0,3 mg/1kg trọng lượng cơ thể/ngày.
MPI	: 18 mg/người/ngày

Nhóm cây trồng	Ngưỡng chịu thuốc (ppm)	Hàng hóa
Cây cam quýt	2,0	Cam quýt
Mía	0,05	Mía

Chất tồn dư: 2,4-D

Abamectin

Tên thông dụng	: Abamectin
Tên hóa học	: >80% avermectin B _{1a} (5-O-demethyl avermectin A _{1a} and <20% avermectin B _{1b} [5-O-demethyl-25-DL (1-methylpropyl)-25-(1-methylethyl) avermectin A _{1a}]
Công dụng chính	: Thuốc trừ sâu
ADI	: 0,0002 mg/1kg trọng lượng cơ thể/ngày.
MPI	: 0,012 mg/người/ngày

Nhóm cây trồng	Ngưỡng chịu thuốc (ppm)	Hàng hóa
Rau ăn củ, bắp	0,02	Rau
Rau ăn lá	0,05	Rau
Rau ăn quả	0,01	Cà tím
Quả mọng nhỏ	0,01	Dâu tây
Dưa	0,02	Dưa hấu
Cây có múi (cam quýt)	0,01	Cam quýt

Chất tồn dư: avermectin B1

Acephate

Tên thông dụng	: Acephate
Tên hóa học	: O.S-dimethyl acetylphosphoramidothioate (IUPAC)
Công dụng chính	: Thuốc trừ sâu
ADI	: 0,03 mg/1kg trọng lượng cơ thể/ngày.
MPI	: 1,2 mg/người/ngày

Nhóm cây trồng	Ngưỡng chịu thuốc (ppm)	Hàng hóa
Lúa	0,5	Lúa
Ngô	0,5	Lúa miến
Rau ăn củ, bắp	1,0	Rau
Rau ăn lá	1,0	Rau
Rau ăn rễ và củ	1,0	Rau
Rau ăn quả	1,0	Rau
Bầu bí	1,0	Rau
Rau đậu	1,0	Rau
Quả dạng táo	1,0	Lê

Chất tồn dư: acephate và methimidophos

Acifluorfen

Tên thông dụng	: Acifluorfen
Tên hóa học	: 5-(2-chloro- α, α, α -trifluoro- p -tolyllo xy)- 2-nitrobenzoic acid (IUPAC)
Công dụng chính	: Thuốc trừ cỏ
ADI	: 0,013 mg/1kg trọng lượng cơ thể/ngày.
MPI	: 0,78 mg/người/ngày

Nhóm cây trồng	Ngưỡng chịu thuốc (ppm)	Hàng hóa
Cây lấy hạt	0,1	Lạc

Chất tồn dư: acifluorfen

Alachlor

Tên thông dụng	: Alachlor
Tên hóa học	: 2-chloro-2', 6-diethyl-N-methoxymethyl acetanilide (IUPAC)
Công dụng chính	: Thuốc trừ cỏ
ADI	: 0,01 mg/1kg trọng lượng cơ thể/ngày.
MPI	: 0,6 mg/người/ngày

Nhóm cây trồng	Ngưỡng chịu thuốc (ppm)	Hàng hóa
Cây lấy hạt	0,1	Đậu tương, lạc
Rau ăn củ, bắp	0,2	Bắp cải, xúp lơ
Rau ăn quả	0,2	Cà chua
Mía	0,1	Mía

Chất tồn dư:alachlor